TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **04**/2023/QĐST-HNGĐ	*Huyện P, ngày 15 tháng 08 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 240/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Trần Minh V, sinh năm1978. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ngô Thị B và anh Trần Minh V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 04 người con chung, trong đó, người con chung Trần Minh T, sinh năm 2004 đã thành niên, đủ điều kiện lao động nên các đương sự không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con.

Giao 03 người con chung chưa thành niên gồm: Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 11/02/2009; Trần Minh T, sinh ngày 20/10/2010 và Trần Trí N, sinh ngày 26/10/2019 cho chị Ngô Thị B chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Trần Minh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (1.000.000đ/1con/1tháng), kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Trần Minh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Ngô Thị B (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong anh Trần Minh V còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị B thuận chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con có định kỳ, tổng cộng là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004188 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị Ngô Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Tư pháp UBND TT P, huyện P;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Đinh Xuân Cầm